

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 3 tháng đầu năm 2020

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân huyện thông báo công khai số liệu (chi tiết tại các biểu số 93/CK-NSNN, 94/CK-NSNN, 95/CK-NSNN đính kèm) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2020, cụ thể như sau:

I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 03 tháng đầu năm 2020 là 68.661 triệu đồng, đạt 23% dự toán tỉnh giao, 19% dự toán địa phương và tăng 09% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 94/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 68.661 triệu đồng, đạt 23% dự toán tỉnh giao, 19% dự toán địa phương, tăng 09% so với cùng kỳ năm 2020.

Một số khoản thu giảm so với cùng kỳ năm trước như thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân. Một số khoản thu vượt tiến độ thực hiện so với dự toán giao đầu năm, cụ thể như: Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước 7.937 triệu đồng, đạt 279% dự toán địa phương, tăng 238% so với cùng kỳ năm trước; Thu lệ phí trước bạ 2.943 triệu đồng, đạt 29% dự toán địa phương, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước; Thu tiền sử dụng đất 6.823 triệu đồng, đạt 10% dự toán địa phương, tăng 324% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu huy động đóng góp là 226 triệu đồng, bằng 73% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

* Nhìn chung, thu NSNN trên địa bàn 03 tháng đầu năm 2020 chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi dịch bệnh và hạn hán, trong điều kiện giá nông sản trên địa bàn huyện không có nhiều chuyển biến tích cực ngoài ra từ đầu năm đến nay trên địa bàn huyện chưa có mưa, chưa đủ để phát huy hết công suất các nhà máy thủy điện trên địa bàn huyện, nên hầu hết các khoản thu lớn trên địa bàn không đạt tiến độ thu NSNN của HĐND huyện giao.

III. Chi ngân sách địa phương (NSDP): (Chi tiết như Biểu số 95/CK-NSNN)

Tổng chi NSDP thực hiện 03 tháng đầu năm 2020 là 133.498 triệu đồng, đạt 27% dự toán, tăng 28% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển 27.033 triệu đồng, đạt 32% dự toán.

2. Chi thường xuyên 106.465 triệu đồng, đạt 29% dự toán. Chi tiết một số lĩnh vực chi cơ bản như sau: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 53.405 triệu đồng, đạt 24% dự toán, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước; Chi an ninh-quốc phòng là 1.094 triệu đồng, đạt 47% dự toán;

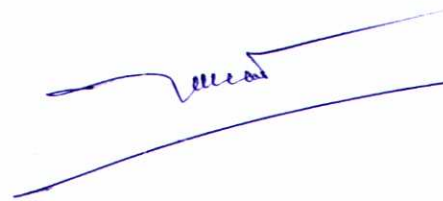
* Nhìn chung, chi ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm 2020 được đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tăng cao so với thực hiện cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các khoản chi thường xuyên, nhằm đảm bảo kịp thời kinh phí chi lương, chính sách chế độ cho các đối tượng chính sách trong dịp Tết Nguyên đán, các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong các tháng đầu năm như hạn hán, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và dịch Covid-19 trên người chưa được kiểm soát triệt để.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2020 của huyện Cư Jút./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP UBND huyện;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Trung tâm VH TT & TT huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Trang thông tin điện tử Phòng TC-KH;
- Lưu: VP HĐND & UBND huyện.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nghiêm Hồng Quang

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 121/BC-UBND, ngày 15/4/2020 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện quý I/2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2020	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	495.097	163.857	33	122
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	144.031	27.854	19	172
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	351.066	124.300	35	107
III	Thu kết dư				
IV	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		11.477		
VI	Các khoản thu quản lý qua NSNN		226		73
B	TỔNG CHI NSDP	495.097	133.498	27	144
I	Tổng chi cân đối NSDP	461.787	128.498	28	138
1	Chi đầu tư phát triển	85.495	27.033	32	190
2	Chi thường xuyên	367.449	101.465	28	129
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền ĐP vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	8.843			
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi các chương trình mục tiêu	13.798	0	0	
1	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	11.538		0	
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	2.260		0	
III	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	19.512	5.000		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 121/BC-UBND, ngày 15/4/2020 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện quý I/2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2020	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	360.600	68.661	19	109
I	Thu nội địa	360.600	68.661	19	109
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương, địa phương quản lý	106.185	22.656	21	91
	- Thuê giá trị gia tăng	51.665	6.361	12	61
	- Thuê thu nhập doanh nghiệp	2.840	7.937	279	338
	- Thuê tài nguyên	51.680	8.359	16	68
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.360	4.086	122	104
	- Thuê giá trị gia tăng	210	11	5	
	- Thuê thu nhập doanh nghiệp	3.150	4.074	129	104
	- Thuê tài nguyên		1		63
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	142.050	21.568	15	119
	- Thuê giá trị gia tăng	109.600	15.356	14	147
	- Thuê thu nhập doanh nghiệp	13.500	3.085	23	85
	- Thuê tiêu thụ đặc biệt	230	82	36	125
	- Thuê tài nguyên	18.720	3.044	16	76
4	Thuê thu nhập cá nhân	12.800	4.726	37	138
5	Thuê bảo vệ môi trường	350	69		183
6	Lệ phí trước bạ	10.200	2.943	29	110
7	Thu phí, lệ phí	3.220	1.270	39	101
	- Phí và lệ phí trung ương	533	119	22	74
	- Phí và lệ phí tỉnh	30	48		69
	- Phí và lệ phí huyện, xã	2.657	1.103	42	107
8	Thuê sử dụng đất nông nghiệp	-	5		
9	Thuê sử dụng đất phi nông nghiệp	-			
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	500	-	0	-
11	Thu tiền sử dụng đất	67.000	6.823	10	424
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-			
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-			
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	10.805	3.210	30	98
15	Thu khác ngân sách	4.130	1.079	26	167
	Trong đó	-			
	- Thu khác NSTW	2.500		0	
	- Thu khác ngân sách tỉnh	400		0	
	- Thu khác ngân sách huyện, xã	800			
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
17	Thu hồi vốn, thu cổ tức				
18	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
19	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước				
20	Các khoản thu huy động đóng góp		226		
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	144.031	27.854	19	
1	Từ các khoản thu phân chia	63.374	16.488	26	
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	80.657	11.366	14	

THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THÁNG 03 NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 111/BC-UBND, ngày 15/ 4 /2020 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện quý I/2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2020	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NSDP	495.097	133.498	27	128
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	461.787	128.498	28	124
I	Chi đầu tư phát triển	85.495	27.033	32	122
II	Chi thường xuyên	367.449	101.465	28	124
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	226.327	53.405	24	113
2	Chi khoa học và công nghệ	330	-	0	0
3	Chi an ninh quốc phòng	7.295	3.397	47	310
4	Chi y tế, dân số và gia đình	1.297	472	36	
5	Chi văn hóa thông tin	2.464	638	26	105
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.221	624	28	124
7	Chi thể dục thể thao	352	31	9	80
8	Chi bảo vệ môi trường	3.336	219	7	97
9	Chi các hoạt động kinh tế	24.437	15.244	62	310
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	87.523	21.256	24	107
11	Chi bảo đảm xã hội	9.638	3.897	40	98
12	Chi thường xuyên khác	2.230	2.281	102	153
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng ngân sách	8.843			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	33.310	5.000	15	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	13.798		0	
-	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	11.538		0	
-	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	2.260		0	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	19.512	5.000	26	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				
D	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN				